TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1787/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 12 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 115, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 1013/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Lê Văn Đ, sinh năm 1980. Căn cước công dân số: 060080000211 cấp ngày 18/01/2022 Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: 536/32/17 Â, phường B (Phường A, quận T), Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 13/6A8 Ấp A, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà Lê Nguyễn Thanh T, sinh năm 1983. Căn cước công dân số: 079183011922 cấp ngày 27/11/2021 tại Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội. Thường trú: 1 N, phường T (phường T, Thành phố T cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú: 13/6A8 Ấp A, xã X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc cùng lời trình bày của những người yêu cầu, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng:

Ông Lê Văn Đ và bà Lê Nguyễn Thanh T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn nên đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Lê Văn Đ và bà Lê Nguyễn Thanh T cư trú trên địa bàn xã X, Thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thủ tục tố tụng được quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[3] Về hôn nhân: Ông Lê Văn Đ và bà Lê Nguyễn Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân D, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cũ, cấp ngày: 01/9/2008 (Giấy chứng nhận kết hôn số 2/2 quyển số 01/2008), do vậy hôn nhân của ông Đ và bà T là hôn nhân hợp pháp.

Nay ông Đ và bà T yêu cầu Tòa án công nhận hai bên thuận tình ly hôn, Tòa án nhân dân khu vực 8 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ; giải thích về quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng và các vấn đề khác liên quan đến hôn nhân và gia đình. Tuy nhiên, ông Đ và bà T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn hạnh phúc gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông Đ và bà T vẫn yêu cầu ly hôn.

Xét thấy, ông Đ và bà T yêu cầu ly hôn là thật sự tự nguyện, do đó căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án ghi nhận ông Đ và bà T thuận tình ly hôn.

[4] Về nuôi con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng Trúc P, sinh ngày 21/4/2010 và Lê Hoàng Q, sinh ngày 13/12/2013.

Sau khi ly hôn, chúng tôi thỏa thuận bà T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung Lê Hoàng Trúc P và Lê Hoàng Q.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ông Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 14.000.000 (mười bốn triệu) đồng, cụ thể tiền cấp dưỡng mội con chung số tiền 7.000.000 (bảy triệu) đồng/tháng. Thi hành ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ P và trẻ Q lần lượt trưởng thành.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Nợ chung: Ông Đ và bà T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết trong vụ kiện này.

[7] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Đ và bà T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn và tự nguyện chịu lệ phí Tòa án, do đó theo quy định tại Điều 37 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Ông Đ và bà T phải chịu lệ phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn Đ và bà Lê Nguyễn Thanh T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung Lê Hoàng Trúc P, sinh ngày 21/4/2010 và Lê Hoàng Q, sinh ngày 13/12/2013.

Sau khi ly hôn, ông Đ và bà T thống nhất yêu cầu giao 02 con chung Lê Hoàng Trúc P và Lê Hoàng Q cho bà Lê Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Ông Lê Văn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 14.000.000 (bốn triệu) đồng, cụ thể

7.000.000 (bảy triệu) đồng/trẻ/tháng. Thi hành ngay sau khi bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi trẻ P và trẻ Q lần lượt trưởng thành.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84, khoản 2 Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự số tiền 300.000 đồng, ông Lê Văn Đ và bà Lê Nguyễn Thanh T chịu mỗi người 150.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0027858 ngày 17/10/2025 của Phòng Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND phường Bảy Hiền (Phường 10, quận Tân Bình cũ), Thành phố Hồ Chí Minh ngày 01/9/2008;
(Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 212 quyển số 01/2008);
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Ngọc Thương